

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thại.
2. Bà Phan Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 165, tổ 6, phường Đ, thị xã A, tỉnh G

Bị đơn: Chị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ cũ: Số 163, tổ 6, phường Đ, thị xã A, tỉnh G.

Nơi ở hiện tại: Tổ 18, khu phố 4, phường L, TP. Q, B.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, bản tự khai lập ngày 28/4/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Vũ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Diệu L tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, vợ chồng không có chung quan điểm, luôn bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện anh và chị L đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L

Về con chung: Vợ chồng sinh được một con chung, tên Lê Trần G, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Tại bản khai lập ngày 10/5/2023, bị đơn chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh L tự nguyện kết hôn năm 2013 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống ban đầu thì hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề dẫn đến cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng. Hiện tại vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện chị cũng không còn tình cảm với anh L nữa. Nay anh L yêu cầu ly hôn nên chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Trần G, sinh năm 13/6/2014. Khi ly hôn chị Linh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh L ly hôn với chị L.

- *Về con chung:* Giao một con chung tên Lê Trần G, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Lâm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự lập được.

- *Về án phí:* Anh L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

XÉT THẤY:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng:

Anh L yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa anh và chị L. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L là bị đơn trong vụ kiện, trước thời điểm anh L có yêu cầu ly hôn, chị L cư trú

tại phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Tại thời điểm anh L có yêu cầu giải quyết ly hôn, chị L đã chuyển về sinh sống tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hai bên đã có văn bản thỏa thuận cùng yêu cầu Tòa án nơi anh L đang cư trú giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án. Chị L là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ khoản khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Theo anh L và chị L khai thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không hợp nhau về cách sống, việc cãi vã xảy ra thường xuyên nên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Hiện anh L và chị L đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Khi giải quyết vụ án, chị L đã được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng chị L đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ chị L không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không muốn hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái cho tốt.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L, xử cho hai bên ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung:

Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của chị L được anh L đồng ý. Xét yêu cầu của hai bên phù hợp nguyện vọng của cháu Lê Trần G nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và sự ổn định trong sinh hoạt, học tập của con chung, căn cứ điều 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Trần G, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.500.000đồng/tháng. Mức cấp dưỡng của anh L phù hợp yêu cầu của chị L nên HĐXX công nhận sự tự nguyện của anh L về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Hai bên thừa nhận vợ chồng không có tài sản và nghĩa vụ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu án phí dân sự đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, khoản 1 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vũ Lâm.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh L và chị L ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Trần G, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Công nhận sự tự nguyện của anh L về việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị L với mức 2.500.000đ/tháng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng*)

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L và cấp dưỡng nuôi con của anh L tính từ ngày hôm nay (25/8/2023) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí:* Anh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002131 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Anh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2023) anh L có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Ayun Pa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND phường (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

Nguyễn Văn Toàn